

SỰ “TRUNG DỤNG” TƯ TƯỞNG F. DOSTOIEVSKI CỦA VĂN NGHỆ ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1954 – 1975

PHẠM THỊ PHƯƠNG*

TÓM TẮT

Đời sống văn nghệ đô thị miền Nam 1954 - 1975 là một trường hợp vô cùng thú vị trong việc du nhập, tiếp biến, ứng biến các trường phái tư tưởng và lí luận hiện đại. Bài viết cho thấy các trí thức Sài Gòn “trung dụng” Dostoevski theo cách thức “nội hóa” những “yếu tố ngoại sinh”, đưa một nhà văn ngoại quốc gia nhập thời cuộc một dân tộc khác, và bằng cách ấy đã kéo dài và gia tăng giá trị di chúc văn hóa của ông. Cách tiếp nhận này có phần đi ra từ một “Dostoevski đích thực”, phần khác đi ra từ nhu cầu có một “Dostoevski khác với nguyên bản” để đáp ứng đời sống thực tại.

Từ khóa: Dostoevski, tiếp biến, văn nghệ đô thị miền Nam.

ABSTRACT

The “making use of” Dostoevsky’s philosophical ideas in the urban literature in 1954-1975 South Vietnam

The urban literary life in 1954-1975 South Vietnam serves as an interesting case of reception and adaptation of modern philosophical and theoretical approaches. The paper examines the ways Saigon intellectuals “make use of” Dostoevsky, localizing the foreign elements, thus taking this extraneous writer into the local social context, by which lengthening and enriching his cultural testament. This way of reception arrives partly from an “authentic Dostoevsky”, partly from the need of an “alternative Dostoevsky” in accord to the new context.

Keywords: Dostoevsky, adaptation, urban literature in South Vietnam.

Đời sống văn nghệ đô thị miền Nam 1954 - 1975 là một trường hợp vô cùng thú vị: Ở đó có đầy đủ những trường phái tư tưởng, lí luận hiện đại, và chúng hiện diện trong nhiều lĩnh vực: 1) như phương diện lí thuyết thuần túy (được coi là bài bản và hàn lâm), 2) như phương tiện nghiên cứu (rất hiệu quả), 3) như phương thức trong sáng tác (theo kiểu triết lí về thời thế), và 4) như “khuôn mặt” của xã hội (phồn tạp và “via hè”). Nghĩa của các trường phái ấy trong các lĩnh vực này không phải lúc

nào cũng trùng khít nhau.

Về đánh giá cao việc giới thiệu các trường phái ấy vào miền Nam như phương diện lí thuyết thuần túy, chúng tôi xin không bàn xét thêm nữa mà chấp nhận ý kiến của nhiều người. Về khẳng định ứng dụng có hiệu quả các lí thuyết ấy vào nghiên cứu, nhất là nghiên cứu mảng văn học trung đại nước nhà, chúng tôi cũng dựa trên sự chứng minh của các chuyên gia có uy tín. Đây thật sự là thành quả đáng ghi nhận trong tiến trình văn học Việt Nam thế kỉ XX mà văn học

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: phth.phuong@yahoo.com

miền Bắc cùng thời, do rẽ theo một lối đi khác, đã không đạt được cùng mức. Nhiều ý kiến cho rằng các triết thuyết hiện đại, nhất là chủ nghĩa hiện sinh và phân tâm học có ảnh hưởng một cách rõ rệt vào sáng tác nhà văn miền Nam, như Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo... Nhận định này không phải là thiếu cơ sở, tuy nhiên, bảo rằng đó là những biểu hiện “hiện sinh”, “phân tâm học” như trong lí thuyết (trường ốc) thì cũng không hẳn. Văn chương nghệ thuật là một nhận thức bản thân đời sống phức tạp, chứ không phải là sự nhận thức giản đồ được quy định sẵn bởi lí thuyết. Sự bất gặp bóng dáng của những triết thuyết ấy, phần nhiều hơn, chúng tôi cho rằng, là dấu ấn, là tiếng nói riêng của thời loạn li mà nhà văn thay thời đại mình cất tiếng. Còn biểu hiện của các triết thuyết ấy trong đời sống xã hội thì sao? Không hề khó phát giác những biểu hiện của “lối sống hiện sinh”, những biểu hiện sang chấn tâm lí có thể lí giải bằng phân tâm học. Tuy nhiên, lí thuyết đi vào cuộc sống không phải bằng con đường thẳng tắp, mà thường thì đã khúc xạ qua nhiều lăng kính. Hơn nữa, trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể còn cần cả những tiền đề thuận lợi, những nhu cầu nội tại, mới có thể “tiêu hóa” nhuần nhuyễn, ứng dụng hiệu quả cái lí thuyết vốn được đem đến từ phương trời xa lạ. Để dẫn đến những biểu hiện kia còn là sự thúc bách của hoàn cảnh đối với con người. Nhà văn không sống trong trang sách mà sống giữa cuộc đời; cũng như thế, con người trong xã hội không cố tình ứng xử sao

cho giống lí thuyết mà phần nhiều ứng xử như thời thế đòi hỏi và đưa đẩy. Ví dụ, đối với thể hệ trí thức miền Nam giai đoạn 1954 - 1975, từ “dấn thân” (engagement) trong triết học Hiện sinh chính là sự tỏ thái độ chính trị với thời cuộc, một thời cuộc “hai mươi năm nội chiến từng ngày” như Trịnh Công Sơn cảm nhận. Lê Hiếu Đằng viết sự dấn thân chính trị của thế hệ mình: “*Những khái niệm như “dấn thân”, “nổi loạn”, “thân phận con người”, “tha nhân” v.v. luôn luôn ám ảnh tôi, thôi thúc chúng tôi từ bỏ cái cũ để dấn thân, đi tìm cái mới, phải hành động vì một chế độ xã hội công bằng và tốt đẹp hơn, chế độ xã hội mà Phan Duy Nhân (Thiết Sĩ) đã mơ ước:*

Yêu anh em, yêu xã hội công bằng

*Người yêu người xây dựng tới
muôn năm.*

(Thư gửi các bạn sinh viên - Thiết Sĩ)

Lúc ấy chúng tôi hướng về miền Bắc, hướng về Hà Nội với biết bao hi vọng... Chúng tôi đã quen nhau và đấu tranh trong bối cảnh đó”¹.

Với bài viết này, chúng tôi muốn thử lí giải tại sao trong đời sống văn nghệ đô thị miền Nam lại có sự hiện diện một số tư tưởng của F. Dostoevski, như một “cách đọc” riêng, đưa nhà văn Nga vĩ đại “nhập cuộc” vào một thời “dấn thân” của trí thức miền Nam.

Xu hướng tiếp nhận văn học Nga của văn nghệ đô thị miền Nam khá đa dạng. Có thể nêu ba hướng chính: (i) Khai thác khía cạnh chính trị. Đây là một xu hướng chung của văn học thời ấy, biểu hiện rõ nhất khi bàn về hiện tượng

khác lạ trong đời sống văn học Xô-viết như vụ *Novy Mir, Moscou Littéraire*, các trường hợp Solzhenitsyn, Tendriakov, Dudintsev...; (ii) *Khai thác khía cạnh nghệ thuật*. Cái hay cái đẹp của văn chương đích thực vượt qua mọi thiên kiến và dụng ý, làm xao xuyến con tim, lay động tâm hồn con người. Xu hướng này quan sát thấy nhiều hơn cả trong tiếp xúc của độc giả đối với Tolstoi, Dostoievski, Chekhov, Paustovski và cả Gorki nữa; và (iii) *Khai thác khía cạnh triết lý nhân sinh, thế sự*. Ở bìa lót một số ấn phẩm của mình, nhà sách *Nguồn Sáng* tuyên bố: “*Nguồn Sáng chủ trương nỗ lực giới thiệu các tác phẩm xây nền văn hóa tổng hợp của Việt Nam và của con người toàn diện, thấu nhận những tinh hoa nhân loại như các nền văn minh triết đông tây qua kinh điển đạo đức học triết lý tư tưởng của mọi trào lưu nhân bản cùng tình cảm biểu hiện qua các bộ môn văn học nghệ thuật*”. Và đó cũng là chủ trương của không ít nhà xuất bản khác như *Khai Trí, Nguồn Sáng, Cỏ Thơm, An Tiêm, Gió Bốn Phương, Tổ Hợp Gió*. Bài viết sẽ dùng xu hướng thứ ba này để soi chiếu vào trường hợp tiếp nhận Dostoievski.

Xã hội miền Nam những năm 1954 - 1975 là một xã hội tao loạn, trong đó nhiều giá trị đạo đức bị đảo lộn. Nhận thức được tình trạng này, không ít độc giả đã day dứt trước những vấn đề triết lý và nhân sinh mà các tác phẩm nghiêm túc đặt ra. Văn học Nga không phải là món giải trí nhẹ nhàng. Nó là loại văn chương đầy trăn trở suy tư, như nhà văn Nhật Odzaki Koio từng gọi là “món bí tét ri

máu” khi ngụ ý tính chất nghiền ngẫm dữ dội về cuộc đời mà tác phẩm đặt ra. Tính chất này bắt nguồn từ đặc điểm truyền thống: văn học Nga luôn gắn bó hữu cơ với đạo đức Nga, nên nó chính là hiện thân của lương tâm Nga, là sự nhận thức sâu xa về bản chất và giá trị con người. Những giá trị nhân bản của những hiện tượng văn học như thế luôn tìm được đường đến với những nền văn hóa khác, chinh phục trái tim nhân loại. Nguyễn Hiến Lê tìm thấy trong tiểu thuyết của Dostoievski “*nhiều vấn đề hoang mang về chính trị, xã hội, tôn giáo*”, bắt gặp ở đó “*những tình cảm mãnh liệt phi thường, những tâm hồn thành thật một cách đáng sợ, những khúc mắc u uẩn của một nội tâm không ai tả nổi*”². Nhật Linh bị Dostoievski thu hút bởi những gì nằm phía sau con chữ viết, “*về những cái sâu xa nhất của cuộc đời khiến mình thấy hơi sờ sợ tưởng tác giả như một đấng tạo hóa đã mở cửa cho mình thấy những cái gì mình không bao giờ tự thấu hiểu được*”³.

F. Dostoievski (cùng với L. Tostoi và A. Solzhenitsyn) là tác gia Nga có số đầu sách được dịch nhiều nhất ở miền Nam. Hầu hết các tác phẩm chính yếu của ông đều được chuyển sang Việt ngữ, có nhiều bản dịch, tái bản nhiều lần, trong đó không ít những tác phẩm cho đến trước 1975 chưa được miền Bắc dịch, như *Con bạc, Bút kí viết dưới hầm, Là bóng hay là hình, Lữ người quý ám, Anh em nhà Karamazov, Tội ác và Hình phạt...*

• Triết gia của thời đại

Dostoievski *được đánh giá cao như nhà tư tưởng*. Nguyễn Nam Châu

trong cuốn *Những nhà văn hóa mới*, khi phân loại các danh nhân (*Những người tố cáo thời đại, Những kẻ xét xử thời đại...*) đã xếp Dostoievski vào mục *Những triết gia của thời đại*. Lí giải việc xếp hạng danh dự này, Nguyễn Nam Châu cho rằng “*hầu hết những lí-thuyết triết-học và xã-hội hiện-đại đều đã có nguồn trong tác phẩm của Dostoievski*”⁴. Thạch Chương cũng xác nhận điều này, khi cho rằng sáng tác của Dostoievski là tiền thân của hàng loạt triết thuyết và trường phái văn học hiện đại thế giới, trong đó “*ghi đầy đủ dấu hiệu con giông tố lớn sắp tới trong tư tưởng triết học cận và hiện đại Tây phương: ám ảnh về cuộc sống nội tâm, những lo âu, những quyết định, những lựa chọn của con người vắng Thượng đế*”⁵. Với Nguyễn Ngọc Minh, Dostoievski là bậc hiền minh “*sống và viết về những vấn đề lớn của thời đại chúng ta. Thế giới của ông là thế giới hỗn mang, đầy mầm mống cách mạng và chờ đón cứu chuộc*”. Và “*bằng trực giác tiên tri của nhà nghệ sĩ, Dostoievski đã mô tả tất cả mâu thuẫn tư tưởng của Tây phương từ 1871, mà đến nay chúng ta mới sống trọn vẹn: xung đột giữa chủ nghĩa tự do và xã hội, giữa giáo hội và vô thần, giữa tinh thần quốc gia và giấc mơ thế giới đại đồng, giữa bạo động cách mạng và sự tôn trọng phẩm giá con người*”⁶. Phạm Công Thiện tụng xưng tên tuổi của Dostoievski như “*một tiên tri của thời đại đổ vỡ*”⁷. Nguyễn Quốc Trụ cũng khẳng định *Hồi kí viết dưới hầm* là một tác phẩm “*mở ra tất cả những vấn đề siêu hình của thời đại chúng ta, [...] gây nên một dòng văn chương độc nhất đầy*

đủ khả năng diễn đạt tất cả những chiều sâu thăm thẳm của con người”⁸. Với Nguyễn Hữu Hiệu, kiệt tác văn chương của Dostoievski chứa đựng những giải đáp cho các vấn nạn xã hội thế kỉ XX. Bài viết dài 158 trang của ông về Dostoievski đã bàn một cách nhiệt tình, sôi nổi vấn đề Thượng đế: sự khước từ Ngài sẽ dẫn đến nổi loạn và hủy diệt, sự công nhận Ngài sẽ dẫn đến một thế giới đại đồng.

Với những nhận định nêu trên, ta thấy Dostoievski được giới đọc sách miền Nam đặt ở một vị trí uy nghi trong danh sách các nhà tư tưởng của nhân loại. Tuy nhiên, dễ nhận thấy rằng, cũng như đối với nhiều hiện tượng văn hóa nước ngoài vào miền Nam bấy giờ, không hiếm khi Dostoievski được diễn giải bằng những khái niệm, thuật ngữ của các trường phái hiện đại như Hiện sinh, Hiện tượng luận, Phân tâm học... – là những học thuyết thực ra ít quan hệ trực tiếp với ông.

• Triết gia của thời cuộc hiện tại

Đối với thế giới, không có gì lạ lắm khi coi Dostoievski là bậc triết gia. Và chẳng, nhà văn vĩ đại đồng thời cũng là nhà tư tưởng kiệt xuất vốn là điều không hiếm trong nền văn học Nga. Tuy nhiên, ở mỗi dân tộc, trong mỗi thời kì nhất định, các phương diện tư tưởng của mỗi triết gia ấy được tiếp nhận, sử dụng như thế nào sẽ đem lại những giá trị lạ và mới. Văn nghệ Sài Gòn giai đoạn 1954 - 1975 đã tiếp thu tinh thần Dostoievski theo một cách thức của mình, xuất phát từ một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, một nhu cầu nội tại. Liệt kê những nhà văn trên

thế giới “*thâm thúy nhất viết về triết lí mà không đã động đến triết lí*”, Nhật Linh kê ngay tên Dostoievski đầu tiên⁹. Nguyễn Mộng Giác cho rằng sở dĩ Dostoievski có nhiều người đọc là vì “*ông đã trở thành biểu tượng tuyệt đối cho lối ghi nhận đời sống (thứ đời sống muôn thừa, phổ quát)*”¹⁰. Trong cách tiếp nhận đó, nhà văn Nga được nhìn không còn hoàn toàn như bậc triết gia trường ốc, các triết lí của ông được bàn xét không bằng thuật ngữ hàm lâm: ông được nhìn như triết gia của đời sống hiện tại, bước từ trang sách xuống đường phố, lo cái lo của ngày hôm nay, ưu tư cùng với những trăn trở của thời cuộc.

Điều đáng lưu ý là tác phẩm của Dostoievski, những trích dẫn về ông, những dẫn viện tên tuổi ông xuất hiện nhiều không phải ở thời kì Đệ nhất Cộng hòa (giai đoạn đời sống văn nghệ miền Nam tương đối yên ả, và nói như Võ Phiến, văn chương có vẻ “hàn lâm” hơn), mà chính là ở thời kì Đệ nhị Cộng hòa, khi chiến tranh lan rộng với sự hiện diện của người Mỹ trên đất Việt; khi đời sống văn nghệ trở nên phồn tạp hơn, bên cạnh “văn chương” có cả “cận văn chương” (*paralittérature*); bên cạnh văn nghệ mang dáng dấp “hiện sinh”, có cả văn nghệ “về nguồn”, văn nghệ tình thương, văn nghệ mang màu sắc tôn giáo.

Giai đoạn này nổi lên hai vấn đề có thể tìm thấy mối quan hệ nào đó trong việc tiếp nhận Dostoievski: (i) *Vấn đề thân phận con người thời buổi loạn ly và niềm khát khao hòa bình, hòa giải dân tộc*; (ii) *Phong trào về nguồn, “đi tìm một căn bản tư tưởng” để xây dựng một*

nền tảng xã hội nhân bản, một nền văn hóa mang bản sắc Việt.

Sau biến cố 1/11/1963, giới trí thức hoài nghi về giải pháp trước đây cho miền Nam. Xuất hiện nhiều xu hướng chính trị, trong đó nổi bật là giới trí thức khuynh tả (được hình thành từ 1966 trở đi) với giải pháp hòa bình không thông qua con đường quân sự, chủ trương hòa hợp dân tộc. Cảm hứng về thân phận của con người giữa thời cuộc loạn li, khát khao hướng tới một xã hội tốt đẹp hơn được nhìn thấy trong các tờ *Hành Trình*, *Đất Nước* (Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung), *Đối Diện* (Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan), *Giữ Thơm Quê Mẹ* (Thích Nhật Hạnh), *Trình Bày* (Thế Nguyên, Diễm Châu), *Chọn* (Trương Bá Cần), *Thái Độ* (Thế Uyên), *Tin Văn* (Nguyễn Nguyên, Lữ Phương, Vũ Hạnh)...; ý thức “về nguồn”, bảo vệ giá trị và bản sắc dân tộc Việt được thể hiện trong các chương trình xã hội (Chương trình CPS, Chương trình Hè, Chương trình Học Đường mới), trong các phong trào Văn Nghệ Tranh Đấu (Phong trào Tâm ca, Phong trào Dân ca, Sử ca, Kháng chiến ca) với những tên tuổi nổi bật: Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Phạm Thế Mỹ, Miên Đức Thắng, Tôn Thất Lập... Tất cả những biểu hiện trên là một cách thể “dấn thân”, “nhập cuộc” của giới trí thức miền Nam.

Có thể có nhiều nguyên nhân dẫn đến phong trào về nguồn, nhưng rõ nhất là xuất phát từ sự hiện diện của người Mỹ trên đất Việt. Lê Trương xác định: “*Phong trào Tâm ca là phản ứng đầu tiên của quần chúng đô thị trước sự hiện diện của quân đội ngoại quốc và sự chủ động*

chiến tranh của họ trên đất nước Việt Nam”¹¹. Phản ứng tự vệ ấy được biểu hiện dưới nhiều hình thức, như các phong trào văn nghệ tranh đấu nêu trên, như cách đặt tên các nhà xuất bản mang dáng vẻ quê mẹ (Ca Dao, Bách Bộc, An Tiêm...), như việc xuất hiện hàng loạt sách biên khảo về địa phương chí, về phong tục Việt, về dân tộc Việt, như hàng loạt tu từ xã hội mang hơi hướng “tự tình dân tộc” trong ngôn ngữ văn chương, ca nhạc cũng như trong đời thường: tinh thần dân tộc, thân phận đau thương, mẹ Việt Nam...

*Mẹ ngồi ru con,
Đong đưa võng buồn,
Đong đưa phận mình.
Mẹ ngồi ru con,
Nghe đất gọi thềm,
Trọn nợ lưu vong.
Mẹ ngồi trăm năm,
Như thân tượng buồn,
Để lại quê hương.
Tuổi còn bơ vơ,
Thế giới hận thù,
Chiến tranh, ngục tù.*

(Ca dao mẹ – Trịnh Công Sơn)

Trong tâm thế như vậy, giới trí thức Sài Gòn đã nhìn ra một mối liên hệ nào đó với tư tưởng của Dostoievski mà họ đọc thấy được.

Sau 1964, sách dịch thuật từng năm tăng theo cấp số cộng, thậm chí có lúc tăng cấp số nhân, nhưng không phải tác giả ngoại quốc nào cũng chiếm mãi một vị trí bền bỉ như Dostoievski. Như đã nói ở trên, Dostoievski là tác giả Nga có số đầu sách được dịch nhiều nhất, không những thế, còn được tiêu thụ nhiều nhất

trong số tất cả các sách ngoại văn. Có thể hình dung điều này qua một vài bài điểm sách của Vũ Đình Lưu, Nguyễn Mộng Giác và Đào Trường Phúc.

Trong bài “Nghĩ về phong trào dịch thuật ở miền Nam Việt Nam hiện nay” Vũ Đình Lưu thống kê rằng trong các danh phẩm ngoại quốc, Dostoievski (cùng với Hesse, Remarque) được đọc nhiều nhất¹². Nguyễn Mộng Giác, trong một bài điểm sách khác, cho biết năm 1973 là năm rầm rộ của sách dịch, nhưng lọc lại, số tác giả nước ngoài được ưa chuộng bền bỉ từ trước cho tới lúc đó thì không nhiều, mà doanh số tiêu thụ tác phẩm của Tolstoi, Dostoievski vẫn chiếm vị trí hàng đầu¹³.

Lí giải thực trạng này, các nhà điểm sách nhận định rằng nội dung tư tưởng các tác phẩm của Dostoievki (cũng như của Hesse, Remarque) phù hợp với khắc khoải tâm tư người đọc lúc đó. Vũ Đình Lưu đọc thấy trong *Một thời để yêu và một thời để chết* (Remarque) “tâm trạng của thân phận con người thời chiến” và trong sáng tác của Dostoievski là những vấn đề của thời thế, khi “*con người bị đặt trước những vấn đề lớn lao. Cả một nền móng tin tưởng và sinh sống bị lung lay từ gốc rễ, ảnh hưởng dây chuyền của những đảo lộn xã hội ở Tây Âu*”. Và đó cũng chính là những gì đang diễn ra ở Việt Nam: “*Thế sự thăng trầm và thối mất nội tâm mô tả trong các tác phẩm ngoại quốc nói trên đều có thể xảy ra tại Việt Nam với ít nhiều sắc thái riêng biệt của mỗi dân tộc. Độc giả Việt Nam thông cảm và thường thức được là vì họ soi thấy bóng mình trong những tác phẩm*

ấy”. Đó cũng là cách nhìn của Đào Trường Phúc khi đọc *Một thời để yêu và một thời để chết* và *Mặt trận Miền Tây vẫn yên tĩnh*, những tác phẩm “*nói đến thân phận con người trong chiến tranh và niềm hi vọng tha thiết một thế giới hòa bình, thương yêu, nhân bản*”. Ước mơ đó vươn xa hơn, ra khỏi bờ rào thép gai chiến tranh, tới “*một cuộc hành trình mới*” – đó là “*một chỗ để về, một phương trời để tới*”. “*Câu hỏi mới đặt ra, cấp thiết và thẳng thót: đâu là quê hương đích thực? Đâu là mái nhà xưa? Đâu là chỗ đáng sống cho con người khi hẳn thoát khỏi được cửa địa ngục*”¹⁴.

Như vậy, trong bối cảnh chính trị xã hội giai đoạn 1964-1975, trí thức Sài Gòn có thể nhìn thấy ở nhà tư tưởng Dostoievski những vấn đề mà họ muốn tìm kiếm sau đây: (i) *Thân phận bi đát của con người, dẫn đến giải pháp tình thương mang màu sắc tôn giáo, chủ trương bất bạo động, tư tưởng hòa đồng;* (ii) *Tư tưởng về nguồn, trở về với căn nguyên dân tộc tính. Cách “đọc” Dostoievski như thế có những cơ sở hữu lí, có phần đi ra từ một “Dostoievski đích thực”, phần khác đi ra từ nhu cầu muốn có một “Dostoievski khác với nguyên bản” để đáp ứng đời sống thực tại* (người viết nhấn mạnh).

Thế kỉ XX là thế kỉ của những cơn biến động chính trị xã hội với quy mô toàn thế giới chưa từng thấy trong lịch sử loài người, bỏ nhân loại này thành những ý thức hệ mà rào chắn của chúng khiến con người xa cách, thù hận nhau, ném con người vào những trận cuồng phong dữ dội khiến số phận nó trở nên vô nghĩa

và bi đát. Nhà tiên tri thấu thị Dostoievski đã nhìn thấy trước thảm cảnh này từ thế kỉ XIX và ráo riết đi tìm giải pháp cho nó: giải pháp tình thương và hòa đồng thế giới. Lí tưởng xã hội đó ông đeo đuổi suốt đời, từng “*dấn thân*”, từng trải nghiệm bằng khổ đau, từng sống cuộc đời như trong trang viết. Tác giả *Những nhà văn hóa mới* viết: “*Dostoievski đã hiểu biết đến thân phận con người, và đồng thời hiểu biết giá-trị sâu xa ẩn giấu sau thân phận hèn-mọn ấy. Bởi thế ông rao truyền một tình-thương xót rộng rãi đối với nó*”. Nhìn vào thực trạng xã hội miền Nam lúc đó, Nguyễn Nam Châu một lần nữa xác nhận: “*Lịch sử đã chứng minh rằng người ta không thể cứu vãn nhân loại bằng sự chém giết. Vậy bằng cách nào? Theo Dostoievski: bằng tình thương xót*”. Ai sẽ là kẻ hướng đạo cho con người đến một thế giới hòa đồng mà đường đi tới là tình yêu thương, nếu đó không phải là Chúa. Cái đáng sợ nhất ở con người là chối bỏ Chúa – một khái niệm mà Dostoievski hiểu như sự tổng hợp toàn vẹn nhất của Chân - Thiện - Mĩ trong mỗi con người chúng ta. Nguyễn Nam Châu, cũng trong bài trên, kêu gọi hãy trở về với Dostoievski trong lời chất vấn: “*Đối với Sartre, cuộc đời, con người, vũ trụ, hết thấy đều là những sự vật vô lí, thừa thãi, không mục đích, đáng buồn nôn và không hề có Thượng đế. Bởi thế, không hề có chân thiện mỹ. Con người là một kẻ hoàn-toàn, tự-do. Nó không hề lệ thuộc vào bất kì một tiêu-chuẩn tình-cảm, tôn-giáo, luân-lí hay xã-hội nào. Nó tự-do làm mọi sự, tự-do sáng-tạo con đường*

của mình. Tự-do phạm mọi tội-ác, miễn là sự phạm-tội đó làm cho nó thỏa-mãn. Françoise Sagan và một số thanh-niên, thiếu-nữ ngày nay đã mặc-nhiên chấp-nhận kết-luận của Sartre: Họ li-dị với hết mọi ràng buộc tình-cảm gia-đình, xã-hội; li-dị mọi tiêu-chuẩn luân-lí, tôn-giáo, để tự-do chọn lấy một đời sống phóng-túng theo bản-năng”¹⁵.

Tuy nhiên, tội lỗi do “chọn lấy một đời sống phóng túng theo bản năng” chưa phải là sự khủng khiếp nhất. Với Dostoievski, nguy hiểm hơn cả là tội ác do ý thức hệ dựa trên những chủ thuyết phi nhân bản nhưng lại được giấu dưới lá bài “vì con người”. Điều đó đã được ông cảnh báo qua những trang viết hiện mình của mình, với các nhân vật-tư tưởng lừng lẫy Raskolnikov, Ivan Karamazov. Và điều đó đã hiện hình trong thế kỉ XX với nhiều biến thể.

Sống giữa thời buổi ngổn ngang sau Cải cách dân cày 1861 với biết bao phe phái trong việc lựa chọn một con đường tương lai, một mô hình xã hội cho nước Nga, Dostoievski kiên trì giữ lập trường “Sự tổng hòa giải các tư tưởng” trên cơ sở Phúc Âm, liên kết các phe phái dưới ngọn cờ bác ái. Sự trung hòa dựa trên nguyên lí bất bạo động ấy của Dostoievski đã được văn nghệ các tôn giáo khác nhau “trung dụng” theo cách riêng của mình. Văn nghệ Thiên Chúa giáo nhìn thấy ở Dostoievski niềm khao khát tin tưởng vào Đấng Cứu Thế, những chủ đề lớn lao về tự do, phản kháng, viễn quan khái huyền về cơn đại biến động, về tình thương và lòng tha thứ... Văn học Phật giáo nhìn thấy nơi Dostoievski

người đồng minh trong việc chối bỏ phương Tây văn minh lí trí để trở về với mái nhà phương Đông tình cảm, trở về với “căn nguyên tính”, “dân tộc tính”...

Người ta tìm thấy cái đặc biệt trong tinh thần Thiên Chúa giáo của Dostoievski: đó là Chính-thống-giáo, nhưng chỉ xuất phát từ Phúc Âm – một loại Thiên Chúa giáo gần với Á Đông hơn với La Mã, có nhiều nét tương đồng với đạo Phật. Nguyễn Hữu Hiệu đồng ý với André Gide khi cho rằng tư tưởng của Dostoievski là “*sự tiếp xúc với Phúc Âm và Phật giáo*”, ông viết: “*Theo André Gide, Dostoievski với những mâu thuẫn tinh thần, phủ nhận lí trí, bạo lực, sẽ dẫn tới một đạo Phật nào đó. Người thanh niên Việt Nam, ngược lại, đi từ đạo Phật để tới một Dostoievski nào đó, với chủ trương phù hợp – từ bi, bác ái – điều quan trọng nhất trên đời*”¹⁶. Chủ trương Một Cuộc Cách Mạng Không Cộng Sản, “*một cuộc cách mạng bất bạo động theo kiểu Gandhi*”¹⁷, Lý Chánh Trung muốn giải quyết các vấn đề xã hội bằng *cơ sở đạo đức học*, không đem “*cây thập giá đập lên đầu kẻ khác, đầu là với danh nghĩa nào đi nữa*”, mà đem “*ánh sáng vào nơi tăm tối, đem tình thương vào nơi oán thù*”. Có thể thấy, những tư tưởng tôn giáo mang màu sắc đạo Phật của Dostoievski ít ra cũng đã không bị uơ vào mảnh đất hoang sơ. Chắc hẳn niềm mong ước xây dựng một *Nát bàn tại thế* của Thích Nhất Hạnh cũng có gì đó làm liên tưởng tới nguyện ước xây dựng một *Thiên đàng trần gian* mà không ít độc giả nhìn ra trong Dostoievski.

Như vậy, những tư tưởng có thật

của Dostoievski về “*bác ái và bạo lực*”, “*hòa đồng*” đã tìm thấy mảnh đất miền Nam để thử gieo hạt, vì chính nơi đây đang đặt ra và muốn tìm giải pháp cho các vấn đề đó.

Còn tư tưởng “Về nguồn” của Dostoievski có gì tương đồng với xu hướng này của văn nghệ miền Nam? Nguyễn Ngọc Minh thấy rằng vận mệnh của nước Nga là “*đi tìm một căn nguyên tính*” trong sự lựa chọn giữa việc chạy theo Tây phương và việc sáng tạo một nền văn minh mới trên căn bản dân tộc”, trong đó “*Dostoievski là con người của truyền thống nên cách giải quyết của ông là quay về với Chính thống giáo và nhân sinh quan của người nông dân Nga thời tiền Tây phương*”. Vận mệnh ấy, sự lựa chọn ấy tìm thấy tương đồng với vận mệnh và sự lựa chọn của dân tộc Việt, đó là “*sự giao tiếp với nền văn minh phương Tây, nổi bật mãi của thanh niên trí thức, mâu thuẫn giữa những giá trị truyền thống và tân tiến, [...] giấc mơ tổng hợp văn minh và đại đồng*”. Nguyễn Ngọc Minh khẳng định: “*Cho nên chúc thư của Dostoievski chính là viết cho Việt Nam*”¹⁸.

Nguyễn Ngọc Minh không đơn độc trong cách nhìn ấy về Dostoievski. Có thể tìm thêm nhiều sẻ chia ở các trí thức khác của miền Nam. Ngô Trọng Anh xác định con đường của Việt Nam là “*chủ trương trở về căn nguyên, không từ bỏ tiến bộ, cải cách phương Tây, vẫn phải trọng dụng gia tài của dân tộc tính*”. Con đường này tìm thấy một chỗ dựa tinh thần vững vàng: “*Tinh thần trở về Căn nguyên với Việt Tinh trong giai đoạn*

hướng về cách mệnh nội tâm của Viện Đại học Vạn Hạnh đã có từ một tiền bối xa xăm ở nơi Dostoievski”¹⁹. Nguyễn Hữu Hiệu cảm nhận ở Dostoievski một đồng minh trong quan điểm chối bỏ Tây phương lí trí để trở về với cuộc sống minh triết, tự nhiên, hài hòa, tình cảm của phương Đông. Ông ví con đường mà các nhân vật trong *Anh em nhà Karamazov* trải qua như là một cuộc hành trình về với “*mái nhà phương Đông thuần hậu ấm áp*”²⁰.

Cần thấy ngay rằng cái gọi là “*tinh thần Phật giáo*”, “*ý thức về nguồn*” mà độc giả miền Nam tìm thấy nơi Dostoievski (cũng như ở L. Tolstoi) là đặc điểm chung mà Vogue – tác giả cuốn *Tiểu thuyết Nga nổi tiếng* – đặt cho toàn bộ văn học Nga từ Pushkin đến Chekhov, được A. Gide – người có ảnh hưởng lớn đến nhiều trí thức Việt Nam – nhắc lại, thực ra là một sự gán ghép từ bên ngoài. Về cơ bản, giữa đạo Phật và Dostoievski chỉ có một điểm chung – đó là tư tưởng “*tự hoàn thiện cá nhân*” của con người, mà nó cũng là mẫu số chung của tất cả các nền tôn giáo lớn của nhân loại, trong đó có tôn giáo của dân tộc sinh ra Pushkin, Dostoievski, Tolstoi. Nhìn sâu hơn, tư tưởng *Về nguồn* của Dostoievski không đồng nhất với tư tưởng *Trở về với mái nhà phương Đông* (nảy sinh trong văn học Âu châu muộn hơn thời Dostoievski sống). Cái mà Dostoievski hướng tới phức tạp và phức hợp hơn nhiều, đó là tư tưởng *Tổng hòa giải và Tổng hợp Đông – Tây*. Việc “*đọc thấy*” ở Dostoievski những phương thức đạo đức nhằm giải quyết những vấn nạn của xã

hội miền Nam cho thấy một số khía cạnh có ý nghĩa toàn nhân loại của những tác phẩm lớn được khai thác mới lạ và đáp ứng nhu cầu của công chúng nơi tiếp nhận.

Tới đây, chúng tôi một lần nữa lại khẳng định: Đời sống văn nghệ đô thị miền Nam 1954 - 1975 là một trường hợp vô cùng thú vị trong việc du nhập, tiếp biến, ứng biến các trường phái tư tưởng và lí luận hiện đại vào mọi lĩnh vực. Cách thức “trung dụng” Dostoievski của các trí thức Sài Gòn trong các phong trào văn hóa xã hội là một ví dụ. Chúng tôi cho rằng đó là một kiểu tiếp nhận có hiệu quả, theo cách thức “nội hóa” những

“yếu tố ngoại sinh”, đưa một nhà văn ngoại quốc vào đời sống nhân sinh dân tộc mình, gia nhập thời cuộc, và bằng cách ấy đã kéo dài và gia tăng giá trị văn hóa mà ông di chúc lại. Tuy nhiên vẫn phải thấy rằng trong quá trình được “nội hóa” ấy, Dostoievki, một mặt, không hiếm khi bị khúc xạ, lẫn khuất trong hàng loạt triết thuyết hiện đại mà trí thức miền Nam say mê, như Chủ nghĩa Hiện sinh, Phân tâm học, Hiện tượng luận... khiến cho diện mạo ông dường như “siêu hình” hơn; mặt khác, đôi khi ông bị kiến giải một cách giản lược, khiến di sản tinh thần của ông có phần nghèo nàn đi.

- ¹ Lê Hiếu Đằng, “Trần Quang Long - những chặng đường đã đi qua”, <http://www.diendan.org/nhung-con-nguoi/le-hieu-dang-viet-ve-tran-quang-long>, Truy cập ngày 20/11/2014.
- ² Nguyễn Hiến Lê, “Dostoievski, một kẻ suốt đời chịu đau khổ để viết”, *Bách khoa*, số 82, 83, 1960.
- ³ Nhất Linh, “Viết và đọc tiểu thuyết”, *Văn hóa ngày nay*, số 3, 1961.
- ⁴ Nguyễn Nam Châu, *Những nhà văn hóa mới*, Đại Học, 1971, tr.153.
- ⁵ Thạch Chương, “Chỉ một lần thôi và chẳng bao giờ nữa” (thay cho lời giới thiệu *Hồi kí viết dưới hầm*), *Đặc san Văn*, số 11, 1966.
- ⁶ Nguyễn Ngọc Minh, “Lũ người quý ám trong con mắt người Việt Nam” (thay Lời giới thiệu *Lũ người quý ám*), Nguồn sáng, S., 1972.
- ⁷ Phạm Công Thiện, *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học*, Lá Bối, S., 1964, tr.345.
- ⁸ Nguyễn Quốc Trụ, “Đọc Hồi kí viết dưới hầm”, *Đặc san Văn*, số 1/1967, tr.125.
- ⁹ Nhất Linh, “Viết và đọc tiểu thuyết”, *Văn hóa ngày nay*, số 3/1960.
- ¹⁰ Nguyễn Mộng Giác, “Vui buồn cuối năm”, *Bách Khoa*, số 402/1973, tr.27.
- ¹¹ Lê Trương, “Phong trào Tâm ca 1965”, Nguồn: <http://vantuyen.net/2014/07/06/phong-trao-tam-ca-1965-le-truong/> Truy cập ngày 20/11/2014.
- ¹² *Văn*, tháng 8/1973, số đặc biệt về *Hiện tượng sách dịch*, tr.13.
- ¹³ Nguyễn Mộng Giác, “Vui buồn cuối năm”, *Bách Khoa*, số 402/1973, tr.27.
- ¹⁴ Đào Trường Phúc, “Sách dịch thuật trong năm qua”, *Bách Khoa*, số 402/1973, tr.28.
- ¹⁵ Nguyễn Nam Châu, tldd, tr.160, 161, 162.
- ¹⁶ Nguyễn Hữu Hiệu, “Dostoievski và thế giới”, Lời bạt trong *Đầu xanh tuổi trẻ* (Dostoievski), Nxb Nguồn Sáng, S., 1974, tr.80.
- ¹⁷ Lý Chánh Trung, *Cách mạng và đạo đức*, Nxb Nam Sơn, S., 1960, tr.117.
- ¹⁸ Nguyễn Ngọc Minh viết: Lời giới thiệu sách *Lũ người quý ám*, Nxb Nguồn Sáng, 1972.
- ¹⁹ Ngô Trọng Anh, “Lời mở đầu Dostoievski – Hồi kí về chốn địa ngục trần gian”, *Tư tưởng* số 2, Bộ mới, tr.87.
- ²⁰ Nguyễn Hữu Hiệu (1972), “Dostoievski”, in trong cuốn *Anh em nhà Karamazov*, Nxb Nguồn Sáng, S., 1972.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nam Châu (1971), *Những nhà văn hóa mới*, Đại Học, Sài Gòn.
2. Trần Thái Đĩnh (1967), *Triết học hiện sinh*, Thời Mới, Sài Gòn.
3. Trần Thái Đĩnh (1968), *Hiện tượng học là gì?*, Hướng Mới, Sài Gòn.
4. Nguyễn Sa Trần Bích Lan (1960), *Quan điểm văn học và triết học*, Nam Sơn, Sài Gòn.
5. Bình Nguyên Lộc (1971), *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Bách Bộc, Sài Gòn.
6. Sơn Nam (1969), *Người Việt có dân tộc tính không*, Nxb An Tiêm, Sài Gòn.
7. Phạm Thị Phương (2010), *Văn học Nga tại đô thị Miền Nam giai đoạn 1954-1975*, Đại học Sư phạm TPHCM.
8. Đặng Tiến (1972), *Vũ trụ thơ*, Nxb Giao điểm, Sài Gòn.
9. Lê Tuyên (1961), *Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đầy*, Nxb Đại học Huế.
10. Lý Chánh Trung (1972), *Tìm về dân tộc*, Nxb Lửa thiêng, Sài Gòn.
11. Doãn Quốc Sỹ (1965), *Người Việt đáng yêu*, Nxb Sáng tạo, Sài Gòn.
12. Đỗ Long Vân (1966), *Nguồn nước ẩn của Hồ Xuân Hương*, Trình Bày, Sài Gòn

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-6-2015; ngày phản biện đánh giá: 18-9-2015;
ngày chấp nhận đăng: 20-10-2015)